

Số: DBLU_66/09h00/DBQG

Hà Nội, ngày 11 tháng 10 năm 2025

TIN LŨ TRÊN SÔNG CỬU LONG

1. Hiện trạng diễn biến lũ trong 12 giờ qua

Hiện nay, mực nước trung, hạ lưu sông Mê Công đang xuống. Mực nước tại một số trạm chính như sau:

Trạm	07h ngày 11/10/2025 (m)	Ghi chú
Mukdahan (Thái Lan)	8,7	Đang xuống
Pakse (Lao)	9,25	Đang xuống
Stung Treng (Cam Pu Chia)	8,4	Đang xuống
Kratie (Cam Pu Chia)	19,7	Đang xuống
Phnom Penh Port (Cam Pu Chia)	8,16	Biến đổi chậm
Phnom Penh Bassac (Cam Pu Chia)	9,58	Biến đổi chậm

Mực nước đầu nguồn sông Cửu Long đã đạt đỉnh và đang xuống chậm. Đỉnh lũ trên sông Tiền tại trạm Tân Châu 3,91m (ngày 09/10), dưới báo động (BD)2 0,09m, trên sông Hậu tại trạm Châu Đốc 3,48m (ngày 09/10), dưới BD2 0,02m. Mực nước cao nhất ngày 10/10 trên sông Tiền tại trạm Tân Châu 3,90m, dưới báo động (BD)2 0,1m, trên sông Hậu tại trạm Châu Đốc 3,47m dưới BD2 0,03m.

2. Dự báo

Mực đầu nguồn sông Cửu Long tiếp tục xuống. Mực nước trên sông Tiền tại trạm Tân Châu xuống mức 3,93m, dưới báo động (BD)2 0,07m; trên sông Hậu tại trạm Châu Đốc xuống mức BD2 là 3,5m; tại các trạm hạ nguồn sông Cửu Long xuống mức BD2-BD3.

(Chi tiết mực nước thực đo, dự báo trong Phụ lục).

3. Cảnh báo nguy cơ ngập lụt, khả năng xảy ra các thiên tai khác đi kèm

Nguy cơ cao xảy ra ngập lụt ở các vùng trũng thấp, vùng ven sông, vùng ngoài đê bao tại tỉnh An Giang và các vùng trũng thấp, ven sông tại các tỉnh

Đồng Tháp, Cần Thơ, Vĩnh Long, đề phòng tình trạng sạt lở bờ bao, đề bao yếu tại các vùng xảy ra ngập lụt.

4. Cảnh báo cấp độ rủi ro thiên tai do lũ: Cấp 1

5. Cảnh báo tác động của lũ:

Lũ trên sông gây ngập lụt các vùng trũng thấp ven sông, ảnh hưởng tới các hoạt động như giao thông thủy, nuôi trồng thủy sản, sản xuất nông nghiệp, dân sinh và các hoạt động kinh tế- xã hội.

Thời gian ban hành bản tin tiếp theo: 09h00 ngày 12/10

Tin phát lúc: 09h00

**TUQ. GIÁM ĐỐC
TRƯỞNG PHÒNG
DỰ BÁO THỦY VĂN**



Phùng Tiến Dũng

Phụ lục
Bảng mực nước thực đo và dự báo trong 5 ngày tới

TT	Tỉnh	Sông	Trạm	Mực nước thực đo (cm)		Mực nước dự báo (cm)									
				10/10	So sánh CBD	11/10	So sánh CBD	12/10	So sánh CBD	13/10	So sánh CBD	14/10	So sánh CBD	15/10	So sánh CBD
1	An Giang	Tiền	Tân Châu	390	<BD2 10	387	<BD2 13	384	<BD2 16	380	<BD2 20	375	<BD2 25	370	>BD2 20
2		Hậu	Châu Đốc	347	<BD2 3	344	<BD 6	340	<BD2 10	335	<BD2 15	330	<BD2 20	325	<BD2 25